TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 15 – PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 16 - 9 - 2025
V/v tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 – PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Doanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đinh Thị Phong và bà Bùi Thị Liên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Thanh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 15 – Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 – Phú Thọ *tham gia phiên toà:* Bà Bùi Thị Nhạn - Kiểm sát viên.

Ngày 16/9/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 15 – Phú Thọ (Trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Lạc cũ) mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 78/2025/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2025 về việc *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2025/QĐXX - ST ngày 20/8/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2025/QĐST-HNGĐ ngày 08/9/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Đinh Văn H, sinh năm 1999. Địa chỉ: Xóm M, xã P, huyện T, tỉnh Hòa Bình. Nay là xóm M, xã M, tỉnh Phú Thọ.

2. Bị đơn: Chị Bùi Thị P, sinh năm 2000. Địa chỉ: Xóm Đ, xã M, huyện T, tỉnh Hòa Bình. Nay là xóm Đ, xã M, tỉnh Phú Thọ.

Anh Đinh Văn H có mặt. Chị Bùi Thị P vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Đinh Văn Huyên trình bày:

** Về quan hệ hôn nhân*: Anh và chị Bùi Thị P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Địch Giáo, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình, nay là xã Mường Bi, tỉnh Phú Thọ ngày 21/11/2019. Trong quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2022. Nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, chị Phương đi làm nhưng không hay về, không quan tâm chăm lo cho chồng con dẫn đến cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Vợ chồng anh sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay, không quan tâm gì đến nhau. Tháng 7 năm 2024, chị P tự ý chuyển khẩu về nhà

chị gái là Bùi Thị C ở xóm Đ, xã M, huyện T, tỉnh Hoà Bình, nay là xóm Đon, xã Mường Bi, tỉnh Phú Thọ sống cho đến nay. Hiện nay, xác định tình cảm vợ chồng không còn, khó có thể hàn gắn. Do vậy, anh đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 15 – Phú Thọ giải quyết cho anh được ly hôn với chị Bùi Thị P.

* *Về con chung*: Vợ chồng anh có một con chung là Đinh Đức H, sinh ngày 02/11/2019. Hiện nay, con chung đang ở với anh tại xóm M, xã M, tỉnh Phú Thọ. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, chị P không thăm nom con chung, không đỡ đần về kinh tế với anh để nuôi dạy con chung. Khi ly hôn, anh đề nghị là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Anh làm nghề xây dựng các công trình dân dụng, công việc ổn định và thu nhập bình quân khoảng 12 đến 13 triệu đồng/1 tháng. Do vậy, anh chưa yêu cầu chị Bùi Thị P việc cấp dưỡng nuôi con chung.

* *Về tài sản chung*: Vợ chồng anh không có tài sản chung.

* *Về nợ chung:* Vợ chồng anh không có nợ chung.

Phần trình bày của bị đơn: Tòa án nhân dân khu vực 15 – Phú Thọ đã tiến hành tống đạt hợp lệ các giấy triệu tập đương sự, Thông báo về việc mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đối với bị đơn để bị đơn viết bản tự khai, lấy lời khai và hòa giải. Tuy nhiên, bị đơn đều vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan nên không có bản tự khai, không lấy được lời khai và việc tiến hành mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ chỉ có nguyên đơn và không tiến hành phiên hòa giải được.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự, được sửa đổi bổ sung năm 2025.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, được sửa đổi bổ sung năm 2025; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đinh Văn H. Xử cho anh Đinh Văn H ly hôn chị Bùi Thị P.

Về con chung: Giao cho anh Đinh Văn H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung là Đinh Đức H, sinh ngày 02/11/2019. Ghi nhận

anh Đinh Văn H chưa yêu cầu chị Bùi Thị P việc cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập giải quyết. Chị Bùi Thị P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Anh Đinh Văn H và chị Bùi Thị P không có tài sản chung nên không đề cập giải quyết.

Về nợ chung: Anh Đinh Văn H và chị Bùi Thị P không có nợ chung nên không đề cập giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: Anh Đinh Văn H và chị Bùi Thị P kết hôn ngày 21/11/2019 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Địch Giáo, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình, nay là xã Mường Bi, tỉnh Phú Thọ. Anh Đinh Văn H và chị Bùi Thị P có một con chung là Đinh Đức H, sinh ngày 02/11/2019.

Các tình tiết mà các bên đã thống nhất: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Anh Đinh Văn H có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 15 – Phú Thọ giải quyết việc ly hôn với chị Bùi Thị P; địa chỉ: Xóm Đ, xã M, huyện T, Hòa Bình, nay là xóm Đ, xã M, tỉnh Phú Thọ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 các Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, được sửa đổi bổ sung năm 2025, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 15 – Phú Thọ.

[1.2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tòa án đã triệu tập đương sự nhiều lần, đã thông báo về mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đến các đương sự hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan. Do vậy, bị đơn không có bản tự khai, biên bản lấy lời khai. Tòa án đã lập biên bản về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ chỉ có nguyên đơn, lập biên bản không tiến hành hoà giải được và nguyên đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án.

Toà án đã tiến hành giao Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập đương sự tham gia phiên toà, Quyết định hoãn phiên toà hợp lệ đến các đương sự nhưng bị đơn vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, được sửa đổi bổ sung năm 2025, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Đinh Văn H và chị Bùi Thị P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Ủy ban nhân dân xã Địch Giáo, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình, nay là xã Mường Bi, tỉnh Phú Thọ ngày 21/11/2019 là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của anh Đinh Văn H đối với chị Bùi Thị P: Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của anh H, chị P, kết quả xác minh cho thấy hoàn toàn phù hợp với lời khai của anh H. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống với nhau hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2022. Nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung dẫn đến hay xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Khi con chung được 17 tháng tuổi, chị P đi làm công nhân tỉnh thoảng mới về. Vợ chồng anh chị sống ly thân từ năm 2023. Tháng 7 năm 2024, chị P chuyển khẩu từ nhà anh H về nhà chị gái là Bùi Thị C ở xóm Đ, xã M, tỉnh Phú Thọ cho đến nay, hai vợ chồng không quan tâm gì đến nhau. Xét thấy, vợ chồng sống ly thân đã lâu, vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, yêu cầu ly hôn của anh Đinh Văn H là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, phù hợp với ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[2.2] *Về con chung*: Anh Đinh Văn H và chị Bùi Thị P có con chung là Đinh Đức H, sinh ngày 02/11/2019. Con chung ở với anh Đinh Văn H từ lúc vợ chồng ly thân cho đến nay. Xét yêu cầu được nuôi con của anh Đinh Văn H, Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc giao con cho ai là người trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn phải đảm bảo các điều kiện tốt nhất về chăm sóc, giáo dục và tránh bị sáo trộn về mặt tâm lý. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, chị P không có mặt tại Tòa án nên không có căn cứ để xem xét nguyện vọng của chị P. Cháu Hải đang sinh sống ổn định với anh Đinh Văn H tại xóm M, xã M, tỉnh Phú Thọ và đang học lớp 1A2 tại Trường tiểu học Địch Giáo. Từ ngày vợ chồng sống ly thân, chị P không quan tâm, hỗ trợ kinh tế với anh H để nuôi con chung. Hiện nay, anh H đang làm nghề xây dựng, có thu nhập bình quân từ 12 đến 13 triệu đồng/1 tháng, đảm bảo cuộc sống của hai bố con. Do vậy, đề nghị của anh Đinh Văn H cũng như ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giao cho anh Huyên được nuôi con chung sau khi ly hôn là có căn cứ chấp nhận. Ghi nhận anh Đinh Văn H chưa yêu cầu chị Bùi Thị P việc cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập giải quyết.

[2.3] *Về tài sản chung*: Anh Đinh Văn H và chị Bùi Thị P không có tài sản chung nên không đề cập giải quyết.

[2.4] *Về nợ chung*: Anh Đinh Văn H và chị Bùi Thị P không có nợ chung nên không đề cập giải quyết.

[2.5] *Về án phí*: Anh Đinh Văn H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, được sửa đổi bổ sung năm 2025; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh Đinh Văn Huyên. Xử cho anh Đinh Văn H ly hôn chị Bùi Thị P.

2. Về con chung: Giao cho anh Đinh Văn H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung là Đinh Đức H, sinh ngày 02/11/2019. Ghi nhận anh Đinh Văn H chưa yêu cầu chị Bùi Thị P việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, chị Bùi Thị P có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Đinh Văn H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Đinh Văn H đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0000823 ngày 13/6/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình, nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 15 – Phú Thọ.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trần Hữu Doanh

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND khu vực 15 – Phú Thọ;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự;
- UBND xã Phong Phú, nay là xã Mường Bi, tỉnh Phú Thọ (Nơi đăng ký kết hôn, đăng ký ngày 21/11/2019);
- Lưu hồ sơ vụ án.